

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG TRỰC
ÔN TẬP TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5
VÒNG 17 – ĐỀ 1

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

1. Trẻ trồng già trồng chuối.
2. Cha mẹ dưỡng.
3. Cánh hồng bông.
4. Được đòi tiên.
5. Được mùa đau mùa lúa.
6. Cày cuốc bẫm.
7. Con rồng cháu
8. Bĩ cực thái
9. Dục bất đạt.
10. Tay làm hàm nhai quai miệng trễ.

Bài 2: Phép thuật mèo con: Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Đất nước	Bom nguyên tử	Xin được trợ giúp	Chất phác	Cầu viện
Nhà thờ	Ăn lót dạ	Đường cày	Bom H	Giáo sĩ
Thật thà	Chức sắc trong đạo Hồi	Bom A	Bom khinh khí	Sá cày
Xã tắc	Loài cua nhỏ	Con da	Giáo đường	Điểm tâm

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là gì?

- A - Công khai B - Công hữu C - Công cộng D - Công dân

Câu hỏi 2: Thành ngữ nào sau đây không nói về vẻ đẹp của thiên nhiên?

- A - Sơn thủy hữu tình B - Hương đồng gió nội
C - Non xanh nước biếc D - Một nắng hai sương

Câu hỏi 3: Chủ ngữ trong câu "Phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ai đã ném bốn năm mảng mây hồng to tướng." là từ nào?

- A - Phía trên B - Dải đê C - Mây hồng D - Ai

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:
"Cần câu uốn cong lưỡi sóng
Thuyền ai ... trăng đêm"

A - lấp lóa B - lấp lánh C - long lanh D - long lánh

Câu hỏi 5: Từ loại nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật?

A - Danh từ B - Động từ C - Tính từ D - Đại từ

Câu hỏi 6: Từ nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa chúng với nhau?

A - Động từ B - Đại từ C - Quan hệ từ D - Tính từ

Câu hỏi 7: Từ “đá” trong câu “Con ngựa đá con ngựa đá.”, có quan hệ với nhau như thế nào?

A - Đồng âm B - Đồng nghĩa C - Trái nghĩa D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 8: Cho đoạn thơ:

"Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể

Núi dựng cheo leo, hồ lặng im

Lá rừng với gió ngân se sẽ

Họa tiếng lòng ta với tiếng chim."

Đoạn thơ trên có những động từ nào?

A - Chầm chậm, cheo leo, se sẽ

B - Vào, ta, chim

C - Vào, ngân, họa

D - Vào, lặng im, ngân, họa

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:
"Mai các cháu học hành tiến bộ

Đời đẹp tươi ... tung bay"

A - cờ đỏ

B - khăn đỏ

C - áo đỏ

D - mũ đỏ

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống câu thơ:

"Sáng chớmtrong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy."?

A – thu

B - lạnh

C – đông

D - buồn

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5
VÒNG 17 – ĐỀ 2

Bài 1: Phép thuật mèo con

Tế nhị	Khăng khít	Xã tắc	Lúc còn sống	Tân thời
Mười phương	Lịch sự	Gắn bó	Bạn bè	Dìu dặt
Tiến bộ	Bằng hữu	Thập phương	Hợp tác	Phát triển
Sinh thời	Nhà nước	Kèm cặp	Cộng tác	Kiểu mới

Bài 2: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Dĩ hòa vi"

A – quý B – lộc C – hữu D – cộng

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Nắng đã chiếu sáng.....cửa biển." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.103)

A – lóa B – rực C – lòa D - choang

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Giấyphải giữ lấy lễ."

A – trắng B – đẹp C – tốt D – rách

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Hàng khuy..... như hàng quân trong đội duyệt binh." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.63)

A – thẳng tắp B – ngày tháng C – thẳng tuột D – thẳng thắn

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....trông na,trông chuối".

A – bé – bà B – trẻ - già C – lớn – bé D – già – trẻ

Câu hỏi 6: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....chất chịu hơnphung phí".

A – nhiều – ít B – hiếm – nhiều C – ít – nhiều D – chút – nhiều

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Công thành..... toại."

A – lợi B – đức C – danh D – lộc

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Đến khi các loài hoa rụng rữ như hoa gạo, vông, phượng, bằng lăng, muồng đã.....qua bầu trời Hà Nội, cây sấu trước cửa nhà tôi mới lấp ló những chùm quả xanh giòn." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.98)

A – tràn ngập B – vắt ngang C – nhuộm kín D – kéo quân

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Dục tốc bất”

A – được B – động C – thành D – đạt

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Áokhéo và hơn lành vụng may.”

A – toi B – rách C – rét D – đẹp

Bài 3: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa chuyển?

A – cánh tay B – tay nghề C – khuỷu tay D – đau tay

Câu hỏi 2: Câu: “Vì trời nắng to, lại không mưa đã lâu nên có cây héo rũ.” có sử dụng quan hệ từ nào?

A – vì, lại B – lại, lâu C – lâu, nên D – vì, nên

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ “dữ dội”?

A – mạnh mẽ B – mãnh liệt C – ác liện D – dịu êm

Câu hỏi 4: Trong các bài đọc sau, bài đọc nào không thuộc chủ đề “Nam và nữ”?

A – con gái B – nghĩa thầy trò C – một vụ đắm tàu D – lớp trưởng lớp tôi

Câu hỏi 5: Cụm từ “phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chẵn trâu thả diều, thổi sáo.” là trạng ngữ chỉ gì?

A – thời gian B – phương tiện C – nguyên nhân D – nơi chốn

Câu hỏi 6: Câu: “Mặt trời càng lên cao, ánh nắng càng chói chang” có sử dụng cặp từ hô ứng nào?

A – lên, chói B – càng, chói C – càng, càng D – cao, chói chang

Câu hỏi 7: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím. Sáng đến anh hoa muồng thì đã ngả hẳn sang màu vàng chanh.”?

A - Phượng B – vông, gạo C – bằng lăng, muồng D – phượng, muồng

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa gốc?

A – mũi đất B – mũi dao C – mũi kéo D – mũi tẹt

Câu hỏi 9: hai câu: “Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau, chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím.” liên kết với nhau bằng cách nào?

A – thay thế từ ngữ B – bằng dấu phẩy C – từ ngữ mới D – lặp từ ngữ

Câu hỏi 10: Hình ảnh “hồ nước” trong câu “Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất.” được so sánh với hình ảnh nào?

A – trái đất B – bầu trời C – giếng không đáy D – bên kia trái đất

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5
VÒNG 17 – ĐỀ 3

Bài 1: Phép thuật mèo con

Độc hành	Thật thà	Một mình	Than thở	Lưu loát
Thi gia	Sầm uất	Tân thời	Nhà thơ	Ân xá
Chất phác	Trơn tru	Phản nản	Kiểu mới	Thảo luận
Minh nguyệt	Tha bổng	Trao đổi	Trăng sáng	Nhộn nhịp

Bài 2: Chọn đáp án thích hợp

Câu hỏi 1: Câu ca dao sau có cặp quan hệ từ nào?

“Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bẫm bèo thái khoai.”

- A – bác mẹ - tôi B – tôi nghèo – thái khoai
C – bởi – nên D – bởi chưng – cho nên

Câu hỏi 2: Từ loại nào được dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật?

- A – tính từ B – động từ C – danh từ D – đại từ

Câu hỏi 3: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu:

“Tre, đời đời, kiếp kiếp, ăn ở với người.”?

- A – tre B – đời đời, kiếp kiếp C – ăn ở với người D – cả ba đáp án

Câu hỏi 4: Bộ phận “Trên cánh đồng” trong câu: “Trên cánh đồng, đàn trâu nhớn nhơ gặm cỏ.” đóng vai trò gì?

- A – chủ ngữ B – vị ngữ C – trạng ngữ D – cả ba đáp án

Câu hỏi 5: Từ nào khác với các từ còn lại?

- A – tin cậy B – tin tưởng C – tin cẩn D – tin tức

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu tục ngữ “Giấy rách phải giữ lấy lề.”?

- A – ác giả ác báo B – nhà dột từ nóc
C – đói cho sạch, rách cho thơm D – dĩ hòa vi quý

Câu hỏi 7: Từ nào khác với các từ còn lại?

- A – gian dối B – gian lận C – gian nan D – gian trá

Câu hỏi 8: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: “Hoa phượng màu hồng pha da cam chú không đỏ gát như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím.”?

- A – hoa phượng B – gạo C – vông D – bằng lăng.

Câu hỏi 9: Từ nào mang nghĩa chuyên?

A – cánh tay B – tay chân C – tay nghề D – ngón tay

Câu hỏi 10: Từ nào không phải là từ láy?

A – nâng niu B – gọn gàng C – loáng thoáng D – tơ tằm

Bài 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống: “Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ” là một trong những tác dụng của dấu.....

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống:

Các thành ngữ: “Non xanh nước biếc; Sơn thủy hữu tình” nói về vẻ đẹp củanhiên.”

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống: “Mũi tẹt, mũi to” là những từ mang nghĩa.....

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống: “khóc – cười, lên – xuống, trong – đục” là những cặp từnghĩa

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống:

Năm.....nhà cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe (Nguyễn Khuyến)

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Phonglà kiểu (lối) sống tạo ra nét riêng của một người hoặc một nhóm người.”

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống:

Nước leo lên các đóp cá

Trời nắng chang chang người trói người. (Cao Bá Quát)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng.....như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa (Nguyễn Du)

Câu hỏi 9:

“Không dấu chờ cá đóp mồi

Có huyền nhộn nhịp xa người qua lại.”

Chữ không có dấu huyền là chữ gì?

Trả lời: Chữ.....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống: “Hẹp nhà.....bụng.”

ĐỀ SỐ 4

Bài 1 – Phép thuật mèo con

Nhẹ nhàng	Bất khuất	Dữ dội	Đám đang	Cương quyết
Nặng nhọc	Mập mạp	Trường tồn	Dẫn đầu	Kiên định
Thanh thoát	Chịu khó	Ác liệt	Cửa biển	Vĩnh cửu
Vắt vả	Quật cường	Hải khẩu	Tiên phong	Đầy đà

Bài 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm mà ít người biết?

- a/ bí ẩn b/ bí bách c/ bí hiểm d/ bí quyết

Câu hỏi 2: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu: “Đêm, tôi không thể chợp mắt dù chỉ một phút.”?

- a/ Đêm b/ một phút c/ không thể d/ chợp mắt

Câu hỏi 3: Sự vật nào được nhân hóa trong câu:

“Dai mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp mái nhà gianh.”

(Đoàn Văn Cừ)

- a/ dải mây trắng b/ đỉnh núi c/ sương hồng lam d/ sương

Câu hỏi 4: Từ “bởi vì” trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

“Non xanh bao tuổi mà già

Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.”

(Ca dao)

- a/ điều kiện-kết quả b/ nguyên nhân-kết quả
c/ tương phản d/ tăng tiến

Câu hỏi 5: Bộ phận nào là chủ ngữ trong câu: “Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại.”

(Tục ngữ)

- a/ tốt đẹp phô ra b/ tốt đẹp c/ xấu xa d/ tốt đẹp, xấu xa

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu: “Gừng cay muối mặn.”?

- a/ sinh cơ lập nghiệp c/ tình sâu nghĩa nặng
b/ chung lưng đấu cật d/ tre già măng mọc

Chọn c

Câu hỏi 7: Chọn cặp từ phù hợp điền vào chỗ trống: “Tiếng Việt của chúng tagiàu.....đẹp.”

a/ vừa-đã b/ vừa-vừa c/ do-nên d/ mặc dù-nhưng

Câu hỏi 8: Từ nào khác với các từ còn lại:

a/ tác nghiệp b/ tác hợp c/ tác giả d/ tác chiến

Câu hỏi 9: Từ “ăn” trong câu nào dùng với nghĩa gốc?

a/ Làm công ăn lương. b/ Xe ăn xăng.
c/ Quả cam ăn rất ngọt. d/ Cô ấy rất ăn ảnh.

Câu hỏi 10: Từ “kết luận” trong câu: “Những kết luận của ông ấy rất đáng tin cậy.” thuộc từ loại nào?

a/ đại từ b/ danh từ c/ tính từ d/ động từ

Bài 3:

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống:

“Cảm ơn các bạn dẫu câu
Không là chữ cái nhưng đâu bé người
Dẫutrộn vện câu mà
Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.”

(Những dẫu câu ơi – Lê Thống Nhất)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống: “Một kho vàng chẳng bằng mộtchữ.”

(Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam – Giáo sư Nguyễn Lân)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống:

“Ai ơi ăn ở cho lành
Tu nhân tíchđể dành về sau.”

(Ca dao)

Câu hỏi 4: Điền từ trái nghĩa với “non” vào chỗ trống:

“Nắng non mầm mục mất thôi
Vì đời lúa đỏ mà phơi cho giòn
Nắnghạt gạo thêm ngon
Bụng lưng cơm trắng, nắng còn thơm tho.”

(Tiếng hát mùa gặt – Nguyễn Duy)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống: “Mềm nắnbuông.”

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Không chịu khuất phục trước kẻ thù được gọikhuất.” (tr.129 – SGK Tiếng Việt 5 – tập 2)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống: Câu tục ngữ: “Người ta là hoa đất” ca ngợi và khẳng định giá trị của controng vũ trụ.”

Câu hỏi 8: Giải câu đố:

Thân em do đất mà thành
Không huyền một cặp rành rành thiếu chi
Khi mà bỏ cái nón đi
Sắc vào thì bụng có gì nữa đâu.
Từ không có dấu huyền là từ gì?

Trả lời: từ

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Ăn ở như bátđầy.” nghĩa là đối xử với nhau trọn tình nghĩa.

Câu hỏi 10: Giải câu đố:

“Thân tôi dùng bắc ngang sông
Không huyền công việc ngư ông sớm chiều
Nặng vào em mẹ thân yêu
Thêm hỏi với “thả” phần nhiều đi đôi.
Từ có dấu hỏi là từ gì?

Trả lời: từ

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

1. Trẻ trông **.na...** già trông chuối.
2. Cha **...sinh.....** mẹ dưỡng.
3. Cánh hồng **...bay....** bông.
4. Được **....voi...** đòi tiên.
5. Được mùa **...cau.....** đau mùa lúa.
6. Cày **.....sâu..** cuộc bầm.
7. Con rồng cháu **...tiên.....**
8. Bĩ cực thái **....lai.....**
9. Dục **....tốc.....** bắt đạt.
10. Tay làm hàm nhai **....tay.....** quai miệng trề.

Bài 2: Phép thuật mèo con: Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Đất nước = Xã tắc	Chát phác = Thật thà
Nhà thờ = Giáo đường	Đường cày = Sá cày
Bom nguyên tử = Bom A	Bom H = Bom khinh khí
Xin được trợ giúp = Cầu viện	Chức sắc trong đạo Hồi = Giáo sĩ
Loài cua nhỏ = Con da	Ăn lót dạ = Điểm tâm

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là gì?

- A - Công khai B - Công hữu C - Công cộng D - Công dân

Câu hỏi 2: Thành ngữ nào sau đây không nói về vẻ đẹp của thiên nhiên?

- A - Sơn thủy hữu tình B - Hương đồng gió nội
C - Non xanh nước biếc D - Một nắng hai sương

Câu hỏi 3: Chủ ngữ trong câu "Phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ai đã ném bốn năm mảng mây hồng to tướng." là từ nào?

- A - Phía trên B - Dải đê C - Mây hồng D - Ai

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

"Cần câu uốn cong lưỡi sóng

Thuyền ai ... trăng đêm"

A - **lấp lóa** B - lấp lánh C - long lanh D - long lánh

Câu hỏi 5: Từ loại nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật?

A - Danh từ B - Động từ C - **Tính từ** D - Đại từ

Câu hỏi 6: Từ nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa chúng với nhau?

A - Động từ B - Đại từ C - **Quan hệ từ** D - Tính từ

Câu hỏi 7: Từ “đá” trong câu “Con ngựa đá con ngựa đá.”, có quan hệ với nhau như thế nào?

A - **Đồng âm** B - Đồng nghĩa C - Trái nghĩa D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 8: Cho đoạn thơ:

"Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể

Núi dựng cheo leo, hồ lặng im

Lá rừng với gió ngân se sẽ

Họa tiếng lòng ta với tiếng chim."

Đoạn thơ trên có những động từ nào?

A - Chầm chậm, cheo leo, se sẽ B - Vào, ta, chim
C - **Vào, ngân, họa** D - Vào, lặng im, ngân, họa

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

"Mai các cháu học hành tiến bộ

Đời đẹp tươi ... tung bay"

A - cờ đỏ B - **khăn đỏ** C - áo đỏ D - mũ đỏ

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào phù hợp điền vào chỗ trống câu thơ:

"Sáng chớmtrong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy."?

A – thu B - **lạnh** C – đông D - buồn

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Bài 1: Phép thuật mèo con

Tế nhị = Lịch sự	Khăng khít = Gắn bó
Xã tắc = Nhà nước	Lúc còn sống = Sinh thời
Thập phương = Mười phương	Tân thời = Kiểu mới
Bằng hữu = Bạn bè	Hợp tác = Cộng tác
Kèm cặp = Dìu dắt	Tiến bộ = Phát triển

Bài 2: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Dĩ hòa vi"

A – quý B – lộc C – hữu D – cộng

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Nắng đã chiếu sáng.....cửa biển." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.103)

A – lóa B – rực C – lòa D - choang

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Giấyphải giữ lấy lễ."

A – trắng B – đẹp C – tốt D – rách

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Hàng khuy..... như hàng quân trong đội duyệt binh." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.63)

A – thẳng tắp B – ngày tháng C – thẳng tuột D – thẳng thắn

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....trông na,trông chuối".

A – bé – bà B – trẻ - già C – lớn – bé D – già – trẻ

Câu hỏi 6: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....chất chiu hơnphung phí".

A – nhiều – ít B – hiếm – nhiều C – ít – nhiều D – chút – nhiều

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Công thành..... toại."

A – lợi B – đức C – danh D – lộc

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Đến khi các loài hoa rực rỡ như hoa gạo, vông, phượng, bằng lăng, muồng đã.....qua bầu trời Hà Nội, cây sấu trước cửa nhà tôi mới lấp ló những chùm quả xanh giòn." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.98)

A – tràn ngập B – vắt ngang C – nhuộm kín D – kéo quân

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Dục tốc bất”

A – được B – động C – thành **D – đạt**

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Áokhéo và hơn lành vụng may.”

A – toi **B – rách** C – rét D – đẹp

Bài 3: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa chuyển?

A – cánh tay **B – tay nghề** C – khuỷu tay D – đau tay

Câu hỏi 2: Câu: “Vì trời nắng to, lại không mưa đã lâu nên có cây héo rũ.” có sử dụng quan hệ từ nào?

A – vì, lại B – lại, lâu C – lâu, nên **D – vì, nên**

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ “dữ dội”?

A – mạnh mẽ B – mãnh liệt C – ác liện **D – dịu êm**

Câu hỏi 4: Trong các bài đọc sau, bài đọc nào không thuộc chủ đề “Nam và nữ”?

A – con gái **B – nghĩa thầy trò**
C – một vụ đắm tàu D – lớp trưởng lớp tôi

Câu hỏi 5: Cụm từ “phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chẵn trâu thả diều, thổi sáo.” là trạng ngữ chỉ gì?

A – thời gian B – phương tiện C – nguyên nhân **D – nơi chốn**

Câu hỏi 6: Câu: “Mặt trời càng lên cao, ánh nắng càng chói chang” có sử dụng cặp từ hô ứng nào?

A – lên, chói B – càng, chói **C – càng, càng** D – cao, chói chang

Câu hỏi 7: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím. Sáng đến anh hoa muồng thì đã ngả hẳn sang màu vàng chanh.”?

A - Phượng B – vông, gạo **C – bằng lăng, muồng** D – phượng, muồng

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa gốc?

A – mũi đất B – mũi dao C – mũi kéo **D – mũi tẹt**

Câu hỏi 9: hai câu: “Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau, chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím.” liên kết với nhau bằng cách nào?

A – thay thế từ ngữ B – bằng dấu phẩy
C – từ ngữ mới D – lặp từ ngữ

Câu hỏi 10: Hình ảnh “hồ nước” trong câu “Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất.” được so sánh với hình ảnh nào?

A – trái đất B – bầu trời
C – giếng không đáy D – bên kia trái đất

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Bài 1: Phép thuật mèo con

Độc hành = Một mình	Thật thà = Chặt phác
Sâm uất = Nhộn nhịp	Than thở = Phàn nàn
Thi gia = Nhà thơ	Tân thời = Kiểu mới
Trao đổi = Thảo luận	Minh nguyệt = Trăng sáng
Trơn tru = Lưu loát	Tha bổng = Ân xá

Bài 2: Chọn đáp án thích hợp

Câu hỏi 1: Câu ca dao sau có cặp quan hệ từ nào?

“Bởi chung bác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bằm bèo thái khoai.”

- A – bác mẹ - tôi B – tôi nghèo – thái khoai
C – bởi – nên D – **bởi chung – cho nên**

Câu hỏi 2: Từ loại nào được dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật?

- A – **tính từ** B – động từ C – danh từ D – đại từ

Câu hỏi 3: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu:

“Tre, đời đời, kiếp kiếp, ăn ở với người.”?

- A – tre B – **đời đời, kiếp kiếp** C – ăn ở với người D – cả ba đáp án

Câu hỏi 4: Bộ phận “Trên cánh đồng” trong câu: “Trên cánh đồng, đàn trâu nhớn nhơ gặm cỏ.” đóng vai trò gì?

- A – chủ ngữ B – vị ngữ C – **trạng ngữ** D – cả ba đáp án

Câu hỏi 5: Từ nào khác với các từ còn lại?

- A – tin cậy B – tin tưởng C – tin cẩn D – **tin tức**

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu tục ngữ “Giấy rách phải giữ lấy lề.”?

- A – ác giả ác báo B – nhà dột từ nóc
C – **đói cho sạch, rách cho thơm** D – dĩ hòa vi quý

Câu hỏi 7: Từ nào khác với các từ còn lại?

- A – gian dối B – gian lận C – **gian nan** D – gian trá

Câu hỏi 8: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: “Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím.”?

- A – hoa phượng B – gạo C – vông D – **bằng lăng.**

Câu hỏi 9: Từ nào mang nghĩa chuyên?

- A – cánh tay B – tay chân C – **tay nghề** D – ngón tay

Câu hỏi 10: Từ nào không phải là từ láy?

A – nâng niu B – gọn gàng C – loáng thoáng D – **tơ tằm**

Bài 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống: “Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ” là một trong những tác dụng của dấu...**phẩy**.....

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống:

Các thành ngữ: “Non xanh nước biếc; Sơn thủy hữu tình” nói về vẻ đẹp của**thiên**.....nhiên.”

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống: “Mũi tẹt, mũi to” là những từ mang nghĩa.....**gốc**....

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống: “khóc – cười, lên – xuống, trong – đục” là những cặp từ**trái**.....nghĩa

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống:

Năm.....**gian**...nhà cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe (Nguyễn Khuyến)

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Phong ...**cách**.....là kiểu (lối) sống tạo ra nét riêng của một người hoặc một nhóm người.”

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống:

Nước**trong**... leo lẻo các đớp cá

Trời nắng chang chang người trói người. (Cao Bá Quát)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng.....**khoan**....như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa (Nguyễn Du)

Câu hỏi 9:

“Không dấu chờ cá đớp mồi

Có huyền nhộn nhịp xa người qua lại.”

Chữ không có dấu huyền là chữ gì?

Trả lời: Chữ.....**câu**.....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống: “Hẹp nhà.....**rộng**.....bụng.”

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

Bài 1 – Phép thuật mèo con

Nhẹ nhàng = Thanh thoát; Vất vả = Nặng nhọc; Trường tồn = Vĩnh cửu

Chịu khó = Đảm đang; Dữ dội = Ác liệt; Dẫn đầu = Tiên phong;
Mập mạp = Đầy đà; Cương quyết = Kiên định; Bất khuất = Quật cường
Hải khẩu = Cửa biển

Bài 2:

Câu hỏi 1: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm mà ít người biết?

a/ bí ẩn b/ bí bách c/ bí hiểm d/ bí quyết

Chọn d

Câu hỏi 2: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu: “Đêm, tôi không thể chợp mắt dù chỉ một phút.”?

a/ Đêm b/ một phút c/ không thể d/ chợp mắt

Chọn a

Câu hỏi 3: Sự vật nào được nhân hóa trong câu:

“Dai mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp mái nhà gianh.”

(Đoàn Văn Cừ)

a/ dải mây trắng b/ đỉnh núi c/ sương hồng lam d/ sương

Chọn d

Câu hỏi 4: Từ “bởi vì” trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

“Non xanh bao tuổi mà già

Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.”

(Ca dao)

a/ điều kiện-kết quả b/ nguyên nhân-kết quả c/ tương phản
d/ tăng tiến

Chọn b

Câu hỏi 5: Bộ phận nào là chủ ngữ trong câu: “Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại.”

(Tục ngữ)

a/ tốt đẹp phô ra b/ tốt đẹp c/ xấu xa d/ tốt đẹp, xấu xa

Chọn d

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu: “Gừng cay muối mặn.”?

a/ sinh cơ lập nghiệp c/ tình sâu nghĩa nặng
b/ chung lưng đấu cật d/ tre già măng mọc

Chọn c

Câu hỏi 7: Chọn cặp từ phù hợp điền vào chỗ trống: “Tiếng Việt của chúng tagiàu.....đẹp.”

a/ vừa-đã b/ vừa-vừa c/ do-nên d/mặc dù-nhung

Chọn b

Câu hỏi 8: Từ nào khác với các từ còn lại:

a/ tác nghiệp b/ tác hợp c/ tác giả d/ tác chiến

Chọn b

Câu hỏi 9: Từ “ăn” trong câu nào dùng với nghĩa gốc?

a/ Làm công ăn lương. b/ Xe ăn xăng.
c/ Quả cam ăn rất ngọt. d/ Cô ấy rất ăn ảnh.

Chọn c

Câu hỏi 10: Từ “kết luận” trong câu: “Những kết luận của ông ấy rất đáng tin cậy.” thuộc từ loại nào?

a/ đại từ b/ danh từ c/ tính từ d/ động từ

Chọn b

Bài 3:

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống:

“Cảm ơn các bạn dẫu câu
Không là chữ cái nhưng đâu bé người
Dấutrộn vện câu mà
Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.”
(Những dấu câu ơi – Lê Thống Nhất)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống: “Một kho vàng chẳng bằng mộtchữ.”
(Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam – Giáo sư Nguyễn Lân)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống:

“Ai ơi ăn ở cho lành
Tu nhân tíchđể dành về sau.”
(Ca dao)

Đức

Câu hỏi 4: Điền từ trái nghĩa với “non” vào chỗ trống:

“Nắng non mằm mục mát thôi
Vì đời lúa đỏ mà phơi cho giòn
Nắnghạt gạo thêm ngon
Bụng lưng cơm trắng, nắng còn thơm tho.”
(Tiếng hát mùa gặt – Nguyễn Duy)

Già

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống: “Mềm nắnbuông.”

Rắn

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Không chịu khuất phục trước kẻ thù được gọikhuất.” (tr.129 – SGK Tiếng Việt 5 – tập 2)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống: Câu tục ngữ: “Người ta là hoa đất” ca ngợi và khẳng định giá trị của controng vũ trụ.”

Người

Câu hỏi 8: Giải câu đố:

Thân em do đất mà thành

Không huyền một cặp rành rành thiếu chi

Khi mà bỏ cái nón đi

Sắc vào thì bụng có gì nữa đâu.

Từ không có dấu huyền là từ gì?

Trả lời: từ

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Ăn ở như bátđầy.” nghĩa là đối xử với nhau trọn tình nghĩa.

Nước

Câu hỏi 10: Giải câu đố:

“Thân tôi dùng bắc ngang sông

Không huyền công việc ngư ông sớm chiều

Nặng vào em mẹ thân yêu

Thêm hỏi với “thả” phần nhiều đi đôi.

Từ có dấu hỏi là từ gì?

Trả lời: từ

Câu